



TỔNG CÔNG TY LICOLOGI - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440

Số: 234./2023/LICOLOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất
quý I năm 2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOLOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0912046454
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOLOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính hợp nhất
quý I năm 2023 của Tổng công ty LICOLOGI – CTCP.

(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 04 /05/2023 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOLOGI-CTCP**



Vũ Nguyên Vũ

CV /2023/CV-LICOGI

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau
thuế thu nhập doanh nghiệp quý I năm 2023
trên BCTC Hợp nhất

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Quý I/2023	Quý I/2022	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
1	Tổng doanh thu	399.928	560.854	-28,7%
	Doanh thu thuần	388.119	415.388	-6,6%
	Doanh thu tài chính	2.875	115.141	-97,5%
	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	8.934	30.325	-70,5%
2	Tổng chi phí	418.840	531.338	-21,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(18.912)	29.516	-164,1%
4	Lãi/lỗ khác	(3.900)	(11.077)	-64,8%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	(22.812)	18.439	-223,7%
6	Thuế TNDN	783	869	-9,9%
7	Lợi nhuận sau thuế	(23.595)	17.570	-234,3%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do nguyên nhân sau:

Do doanh thu hoạt động tài chính quý I năm 2023 của Công ty Mẹ giảm so cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết giảm do lợi nhuận từ Công ty cổ phần Thủy điện Bắc Hà, Công ty cổ phần Licogi 14 giảm so với cùng kỳ năm 2022

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT



Vũ Nguyễn Vũ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2023 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2023**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	31/03/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.877.781.884.528	1.958.649.876.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	88.220.962.744	81.369.308.171
1. Tiền	111	55.619.804.144	63.768.149.571
2. Các khoản tương đương tiền	112	32.601.158.600	17.601.158.600
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	127.263.672.525	188.931.314.315
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	127.263.672.525	188.931.314.315
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	841.998.908.722	876.617.246.158
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	725.738.147.101	774.230.330.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	102.839.295.948	100.901.748.146
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.341.160.010	7.511.160.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	380.633.662.868	368.602.460.318
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(375.060.288.416)	(375.135.383.612)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	506.931.211	506.931.211
III. Hàng tồn kho	140	784.227.844.423	780.009.788.047
1. Hàng tồn kho	141	803.969.785.613	799.756.670.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(19.741.941.190)	(19.746.882.937)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	36.070.496.114	31.722.220.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.219.245.739	4.468.332.114
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	28.726.675.400	24.782.119.674
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.124.574.975	2.471.768.348
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.220.315.722.739	2.199.547.214.685
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.804.312.589	1.387.910.939
1. Các khoản trả trước người bán	215	48.853.000	
1. Phải thu dài hạn khác	216	1.755.459.589	1.387.910.939
II. Tài sản cố định	220	281.462.457.113	286.383.313.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	248.323.346.990	259.961.957.048
- Nguyên giá	222	1.362.877.646.530	1.363.230.750.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.114.554.299.540)	(1.103.268.793.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	6.757.568.564	-
- Nguyên giá	225	6.870.024.319	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(112.455.755)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	26.381.541.559	26.421.356.222
- Nguyên giá	228	29.971.669.806	29.951.669.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(3.590.128.247)	(3.530.313.584)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.020.667.916	4.020.667.916
- Nguyên giá	231	4.102.505.616	4.102.505.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	(81.837.700)	(81.837.700)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	1.159.905.716.585	1.142.135.093.960
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	1.138.814.951.275	1.121.623.443.439
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	21.090.765.310	20.511.650.521
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	744.369.969.190	735.435.889.375
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	704.964.554.482	696.030.474.667
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	59.260.545.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(21.355.130.692)	(21.355.130.692)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.500.000.000	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	28.752.599.346	30.184.339.225
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	28.035.945.054	29.465.917.386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	716.654.292	718.421.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	4.098.097.607.267	4.158.197.091.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/03/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	3.676.558.468.380	3.713.062.940.257
I. Nợ ngắn hạn	310	3.200.671.121.359	3.241.627.302.554
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	593.078.601.591	613.347.098.759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	293.698.982.623	247.962.769.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	169.383.577.538	174.366.864.211
4. Phải trả người lao động	314	50.268.331.267	52.232.201.830
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	365.808.268.181	371.800.140.850
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	2.388.272.978	379.090.908
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	251.545.250.938	292.781.433.752
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.456.073.860.671	1.464.327.369.022
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.125.861.899	3.222.020.346
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.300.113.673	21.208.313.673
II. Nợ dài hạn	330	475.887.347.021	471.435.637.703
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	323.737.584	410.659.502
2. Phải trả dài hạn khác	337	68.819.046.075	68.819.046.075
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	397.119.004.150	392.355.774.400
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	1.927.574.222	1.927.574.222
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	7.697.984.990	7.922.583.504
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	421.539.138.887	445.134.151.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	421.539.138.887	445.134.151.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	117.558.651	117.558.651
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	110.261.401.316	110.261.401.316
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(584.908.064.936)	(562.286.439.243)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(562.286.439.243)	(596.762.430.704)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	(22.621.625.693)	34.475.991.461
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	83.154.766.705	84.128.153.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.098.097.607.267	4.158.197.091.512

Người lập biểu
Ngày 04 tháng 05 năm 2023

Lê Thị Thanh Nội

Kế toán trưởng

Phùng Quang Minh

Tổng Giám đốc



Vũ Nguyên Vũ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2023

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý I/2023	Lũy kế hết quý I	Quý I/2022	Lũy kế hết quý I
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	388.119.141.953	388.119.141.953	415.388.406.032	415.388.406.032
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	388.119.141.953	388.119.141.953	415.388.406.032	415.388.406.032
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	354.185.433.135	354.185.433.135	373.207.693.408	373.207.693.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33.933.708.818	33.933.708.818	42.180.712.624	42.180.712.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.874.836.311	2.874.836.311	115.141.537.594	115.141.537.594
7. Chi phí tài chính	22	31	21.820.088.709	21.820.088.709	101.901.835.169	101.901.835.169
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.306.713.340	21.306.713.340	101.631.377.897	101.631.377.897
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		8.934.079.815	8.934.079.815	30.325.155.799	30.325.155.799
9. Chi phí bán hàng	25	32	9.356.279.661	9.356.279.661	13.244.820.135	13.244.820.135
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	33.479.178.215	33.479.178.215	42.983.123.706	42.983.123.706
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.912.921.641)	(18.912.921.641)	29.517.627.007	29.517.627.007
(30=20+(21-22)+24-(25+26))						
12. Thu nhập khác	31		767.974.523	767.974.523	3.324.968.047	3.324.968.047
13. Chi phí khác	32		4.667.448.976	4.667.448.976	14.402.080.603	14.402.080.603
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	33	(3.899.474.453)	(3.899.474.453)	(11.077.112.556)	(11.077.112.556)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.812.396.094)	(22.812.396.094)	18.440.514.451	18.440.514.451
(50=30+40)						
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	780.848.727	780.848.727	519.216.001	519.216.001
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.767.547	1.767.547	350.341.513	350.341.513
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.595.012.368)	(23.595.012.368)	17.570.956.937	17.570.956.937
(60=50-51-52)						
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(22.621.625.693)	(22.621.625.693)	16.588.616.481	16.588.616.481
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(973.386.675)	(973.386.675)	982.340.456	982.340.456

Người lập biểu
Ngày 04 tháng 05 năm 2023

Lê Thị Thanh Nội

Kế toán trưởng

Phùng Quang Minh

Tổng Giám đốc


Vũ Nguyên Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	MẪU SỐ B 03-DN/HN	
	Quý I/2023 VND	Đơn vị: VND Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	(22.812.396.094)	52.474.444.893
6. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11.799.833.812	51.566.301.819
- Các khoản dự phòng	(80.036.943)	29.811.745.994
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản		
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(269.899.442)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.874.836.311)	(277.508.420.777)
- Chi phí lãi vay	21.306.713.340	209.672.159.030
13. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	7.339.277.804	65.746.331.517
- Tăng, giảm các khoản phải thu	31.730.289.176	320.299.342.338
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(21.404.622.465)	(72.143.005.998)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế		
- thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(227.588.967.189)	(276.664.363.281)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(320.941.293)	4.781.665.752
- Tiền lãi vay đã trả	(21.306.713.340)	(134.343.593.131)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(782.616.274)	(11.223.605.916)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.416.082.682)	(13.089.123.010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(249.750.376.263)	(116.636.351.729)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản		
1. dài hạn khác	(5.661.581.380)	(5.372.376.204)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản		
2. dài hạn khác	397.141.927	3.524.171.320
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	40.837.641.790	(170.255.961.805)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	25.326.260.177
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9.300.926.654	271.433.205.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	44.874.128.991	124.655.299.109
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	394.922.491.597	1.817.589.619.857
2. Tiền trả nợ gốc vay	(398.412.770.198)	(2.040.825.805.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(3.490.278.601)	(223.236.185.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(208.366.525.873)	(215.217.238.067)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	296.587.488.617	296.587.488.617
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	(942.379)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	88.220.962.744	81.369.308.171

Người lập biểu
Ngày 04 tháng 05 năm 2023


Lê Thị Thanh Nội

Kế toán trưởng


Phùng Quang Minh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD - TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng.

Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buru điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thi công xây lắp: thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;

- Kinh doanh vận tải đường thủy đường bộ;

- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật);

- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công, xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tiến hành giải thể, sáp nhập hoặc chuyển một số đơn vị hạch toán trực thuộc thành công ty cổ phần. Chi tiết được trình bày ở phần “Cấu trúc doanh nghiệp” dưới đây.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Licogi số 1	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Sản xuất Vật liệu Xây dựng Licogi	Nhà G1, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty có 12 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sê
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất vật liệu xây dự
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Bất động sản, xây lắp
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Bất động sản, xây lắp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty có 07 công ty liên doanh, liên kết. Thông tin khái quát về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	22,22%	22,22%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	41,01%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Hà Nội	48,73%	48,73%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Số liệu đầu kỳ ngày 01/01/2022 là số liệu theo báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN**Hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo quy định hiện hành yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 02 năm 2023 và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo 228/2009/TT-BTC, Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023
	Số năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế thương hiệu LICOGI, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao.

Lợi thế thương hiệu, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ hai (02) đến năm (05) năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Bất động sản đầu tư là các căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa lớn, lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh và Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước.

Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi các đơn vị nêu trên chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được trích lập theo tỷ lệ quy định tại hợp đồng xây dựng, trên doanh thu ghi nhận trong kỳ đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Chi phí phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, các khoản chi phí phải trả cho công trình xây lắp và các khoản chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Chi phí phải trả cho công trình xây lắp là chi phí được trích trước phù hợp với doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành giữa Tổng Công ty và khách hàng.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa):

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán đối với hoạt động xây lắp được xác định trên cơ sở tỷ lệ lãi gộp ước tính và doanh thu của các công trình. Sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư, chênh lệch giữa giá vốn hàng bán đã ghi nhận và tổng chi phí đầu tư thực tế của công trình được điều chỉnh tăng/giảm giá vốn hàng bán tại kỳ kết thúc.

Giá vốn hàng bán đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là quyền sử dụng đất và hạ tầng đi kèm chuyển nhượng cho khách hàng được xác định trên cơ sở tỷ lệ lãi theo dự toán của các dự án và doanh thu ghi nhận trong kỳ/hoặc suất đầu tư dự toán và diện tích kinh doanh. Sau khi dự án kết thúc giai đoạn kinh doanh, chênh lệch giữa giá vốn hàng bán đã ghi nhận và tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án được điều chỉnh tăng/giảm giá vốn hàng bán tại năm kết thúc.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.954.348.003	4.393.885.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.665.456.141	59.374.263.785
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (i)	32.601.158.600	17.601.158.600
	<u>88.220.962.744</u>	<u>81.369.308.171</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Licogi 14	46.647.076.676	93.108.956.639	93.108.956.639	46.647.076.676	92.380.269.511	92.380.269.511
Công ty Cổ phần Licogi 19	1.999.068.969	1.850.868.590	1.850.868.590	1.999.068.969	2.031.710.274	2.031.710.274
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	16.540.000.000	18.244.569.801	18.244.569.801	16.540.000.000	18.244.569.801	18.244.569.801
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	280.746.574.730	345.261.900.832	345.261.900.832	280.746.574.730	351.421.726.149	351.421.726.149
Công ty Cổ phần Đầu tư và VLXD Đông Anh 8	9.746.080.000	7.526.864.374	7.526.864.374	9.746.080.000	7.526.864.374	7.526.864.374
Đầu tư vào công ty liên doanh	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	159.253.337.143	238.971.394.246	238.971.394.246	159.253.337.143	224.425.334.558	224.425.334.558
	514.932.137.518	704.964.554.482	704.964.554.482	514.932.137.518	696.030.474.667	696.030.474.667

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/03/2023			01/01/2023		
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Licogi 12	7.895.068.192	(5.108.479.192)	2.786.589.000	7.895.068.192	(5.108.479.192)	2.786.589.000
Công ty Cổ phần Licogi 13	25.001.671.600	(14.946.651.500)	10.055.020.100	25.001.671.600	(14.946.651.500)	10.055.020.100
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	-	10.530.000.000	10.530.000.000	-	10.530.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đrinh	13.753.805.608		13.753.805.608	13.753.805.608		13.753.805.608
Công ty liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam			-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu	780.000.000		780.000.000	780.000.000		780.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin -	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(300.000.000)	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Công ty Cổ phần gạch Phong Niên					-	
	59.260.545.400	(21.355.130.692)	37.905.414.708	59.260.545.400	(21.355.130.692)	37.905.414.708



TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 578	14.503.806.049	14.503.806.049
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đrinh	19.307.107.156	19.307.107.156
Công ty Cổ phần An Gia Tiến	31.060.883.921	31.560.883.921
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thái Sơn	27.096.377.071	29.202.341.830
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Vinhomes	25.621.445.671	19.214.454.072
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển TM Thanh Tùng	10.060.247.752	16.118.410.601
Các khách hàng được chuyển giao khi sáp nhập Cometco vào Licogi 2	10.293.127.409	10.393.127.409
Các khách hàng khác	550.870.830.837	597.005.877.812
	<u>725.738.147.101</u>	<u>774.230.330.085</u>
	-	-
Trong đó các bên liên quan	<u>4.804.043.818</u>	<u>4.965.370.978</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Chang Xin (Việt Nam)	3.413.966.785	3.413.966.785
Công ty CP Xây dựng 203	6.829.116.000	6.829.116.000
Trả trước cho người bán khác	88.900.423.586	86.962.875.784
	<u>99.143.506.371</u>	<u>97.205.958.569</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>3.695.789.577</u>	<u>3.695.789.577</u>
Tổng cộng	<u>102.839.295.948</u>	<u>100.901.748.146</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	5.641.160.010	5.811.160.010
Phải thu về cho vay khác	1.700.000.000	1.700.000.000
	<u>7.341.160.010</u>	<u>7.511.160.010</u>

10. PHẢI THU KHÁC

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu về tạm ứng	136.705.659.722	131.167.217.372
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1	17.241.013.260	17.241.013.260
Ban quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	55.916.500.572	55.902.500.572
Phải thu khác từ Cometco chuyển về Licogi 2	25.496.220.371	25.496.220.371
Phải thu về cổ phần hóa	3.629.349.575	3.629.349.575
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	68.431.895
Các khoản phải thu khác	137.032.820.575	130.626.370.818
	376.167.766.413	364.131.103.863
Phải thu khác các bên liên quan	4.465.896.455	4.471.356.455
Tổng cộng	380.633.662.868	368.602.460.318

11. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	3.011.562.766	
Nguyên liệu, vật liệu	100.897.012.763	(6.252.658.527)	99.027.721.395	(6.257.600.274)
Công cụ, dụng cụ	6.120.859.211	-	6.477.288.786	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	637.459.212.819	(13.259.325.313)	630.474.191.855	(13.259.325.313)
Thành phẩm	53.884.967.700	(229.957.350)	59.395.965.469	(229.957.350)
Hàng hoá	5.607.733.120	-	1.369.940.713	
Cộng	803.969.785.613	(19.741.941.190)	799.756.670.984	(19.746.882.937)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, một số công trình quyết toán giảm với giá trị là 19.741.941.190 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2022 19.746.882.937 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.892.501.690	2.997.777.090
Chi phí sửa chữa	2.370.986.011	659.878.932
Chi phí trả trước khác	955.758.038	810.676.092
	<u>6.219.245.739</u>	<u>4.468.332.114</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.666.757.494	12.199.153.172
Trả trước tiền thuê đất	4.259.080.414	4.280.114.493
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.780.809.431	6.556.242.468
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.329.297.715	6.430.407.253
	<u>28.035.945.054</u>	<u>29.465.917.386</u>

10.11
17.
C
11.4/

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	251.666.991.380	943.195.501.698	158.466.312.012	8.361.408.791	1.540.536.399	1.363.230.750.280
Tăng trong năm	-	101.409.091	-	-	-	101.409.091
Mua sắm mới	-	101.409.091	-	-	-	101.409.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	351.676.476	102.836.365	-	454.512.841
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	351.676.476	102.836.365	-	454.512.841
Tại ngày 31/03/2023	251.666.991.380	943.296.910.789	158.114.635.536	8.258.572.426	1.540.536.399	1.362.877.646.530
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	178.150.351.217	770.284.620.330	146.424.945.843	6.988.311.441	1.420.564.401	1.103.268.793.232
Tăng trong năm	2.003.668.503	8.401.998.490	1.186.918.169	134.950.693	12.483.294	11.740.019.149
Khấu hao trong năm	2.003.668.503	8.401.998.490	1.186.918.169	134.950.693	12.483.294	11.740.019.149
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	351.676.476	102.836.365	-	454.512.841
Thanh lý, nhượng bán	-	-	351.676.476	102.836.365	-	454.512.841
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	180.154.019.720	778.686.618.820	147.260.187.536	7.020.425.769	1.433.047.695	1.114.554.299.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/03/2023	71.512.971.660	164.610.291.969	10.854.448.000	1.238.146.657	107.488.704	248.323.346.990
Tại ngày 01/01/2023	73.516.640.163	172.910.881.368	12.041.366.169	1.373.097.350	119.971.998	259.961.957.048

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-
Tăng trong năm	6.870.024.319	-	6.870.024.319
Giảm trong năm		-	-
Tại ngày 31/03/2023	6.870.024.319	-	6.870.024.319
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-
Tăng trong năm		-	-
Khấu hao trong năm	112.455.755	-	112.455.755
Giảm trong năm		-	-
Tại ngày 31/03/2023	112.455.755	-	112.455.755
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/03/2023	6.757.568.564	-	6.757.568.564
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	28.583.669.806	868.000.000	500.000.000	29.951.669.806
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	20.000.000	-	20.000.000
Tại ngày 31/03/2023	28.583.669.806	888.000.000	500.000.000	29.971.669.806
Giá trị ghi nhận				
Tại ngày 01/01/2023	2.707.376.746	322.936.838	500.000.000	3.530.313.584
Tăng trong năm	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	33.139.662	26.675.001	-	59.814.663
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	2.707.376.746	349.611.839	500.000.000	3.590.128.247
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/03/2023	25.876.293.060	538.388.161	-	26.381.541.559
Tại ngày 01/01/2023	25.876.293.060	545.063.162	-	26.421.356.222

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt	1.134.225.379.961	1.117.033.872.125
Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt - CT7 - Licogi 2	-	
Dự án thủy điện Cẩm thủy	4.589.571.314	4.589.571.314
	<u>1.138.814.951.275</u>	<u>1.121.623.443.439</u>

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp CTCP VL)	6.348.211.112	7.084.709.941
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7,	9.671.801.536	9.671.801.536
Khác	5.070.752.662	3.755.139.044
	<u>21.090.765.310</u>	<u>20.511.650.521</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Licogi 13	40.003.802.319	49.465.198.129
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - Licogi 18	21.315.667.560	29.885.086.701
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	16.430.964.213	16.730.964.213
Công ty cổ phần Licogi 16	29.495.610.739	29.495.610.739
CT CP ĐT XD Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	15.928.014.655	15.928.014.655
Các đối tượng khác	469.904.542.105	471.842.224.322
	<u>593.078.601.591</u>	<u>613.347.098.759</u>
b. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	<u>1.250.000.000</u>	<u>960.860.800</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Dự án KĐT Đông Hưng - Thái Bình	25.982.058.700	25.982.058.700
Khách hàng dự án Nam ga	104.591.989.862	104.591.989.862
Công ty CP Thủy điện Thượng Sơn Tây	23.984.000.000	23.984.000.000
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	8.725.163.088	8.725.163.088
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	9.431.631.744	9.431.631.744
Dự án KĐT P. Tứ Minh, Hải Dương	13.115.932.830	13.115.932.830
Khác	107.868.206.399	62.131.992.979
	<u>293.698.982.623</u>	<u>247.962.769.203</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiêu	01/01/2023	Phát sinh trong kỳ		31/03/2023
	VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	59.599.743.357	13.844.928.523	17.831.758.247	55.612.913.633
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.094.721.976	770.792.394	1.529.959.282	10.335.555.088
Thuế tài nguyên	2.968.098.723	79.087.301	45.125.400	3.002.060.624
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.745.380.684	1.001.688.607	229.874.362	3.517.194.929
Thuế thu nhập cá nhân	1.155.339.698	2.353.919.823	1.527.152.974	1.982.106.547
Các loại thuế khác	1.398.904.660	78.817.787	78.321.665	1.399.400.782
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	95.404.675.113	176.061.792	2.046.390.970	93.534.345.935
Cộng	174.366.864.211	18.305.296.227	23.288.582.900	169.383.577.538

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	200.896.008.808	277.847.784.353
Trích trước chi phí thi công công trình	94.203.802.348	73.930.968.141
Các khoản khác	70.708.457.025	20.021.388.356
	365.808.268.181	371.800.140.850

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	40.978.614.476	44.894.317.432
Kinh phí công đoàn	6.709.811.919	6.282.289.701
Phải trả về cổ phần hóa	230.826.491	14.112.595.415
Các khoản khác	203.625.998.052	227.492.231.204
	251.545.250.938	292.781.433.752
b) Dài hạn		
	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đô;	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	8.819.046.075	8.819.046.075
	68.819.046.075	68.819.046.075
Phải trả khác các bên liên quan	60.000.000.000	60.000.000.000

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

MÃ SỐ B 09-DN/HN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN, DÀI HẠN

a) Vay ngắn hạn	Tại ngày 01/01/2023	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/03/2023
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.001.371.190.408	379.259.746.570	370.236.256.077	1.010.394.680.901
Vay ngắn hạn bên thứ ba	457.551.107.611	10.149.515.277	26.534.757.118	441.165.865.770
Vay dài hạn đến hạn trả	5.405.071.003	-	891.757.003	4.513.314.000
	1.464.327.369.022	389.409.261.847	397.662.770.198	1.456.073.860.671
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn Ngân hàng	370.758.671.003	-	1.641.757.003	369.116.914.000
Vay dài hạn bên thứ ba	27.002.174.400	5.513.229.750	-	32.515.404.150
	397.760.845.403	5.513.229.750	1.641.757.003	401.632.318.150
Khoản nợ đến hạn trong 12 tháng	5.405.071.003	-	891.757.003	4.513.314.000
Khoản nợ đến hạn sau 12 tháng	392.355.774.400	5.513.229.750	750.000.000	397.119.004.150

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2032

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN, DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đồng Việt Nam, Euro

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Công ty mẹ	776.204.330.305	754.535.464.274
Licogi 2	40.500.000.000	40.500.000.000
Licogi 9	157.515.283.123	157.082.345.868
Licogi 10	45.876.411.024	46.366.411.024
Licogi 15	32.206.598.631	32.574.598.631
Licogi 17	33.131.357.181	42.258.411.166
Licogi 20	39.327.309.923	39.327.309.923
Lắp máy điện nước	19.376.791.917	19.376.791.917
Cơ khí Đông Anh	258.028.819.890	271.579.701.542
Tầm lợp Đông Anh	13.567.514.200	20.166.389.200
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	5.014.147.000	5.114.147.000
Licogi Quảng Ngãi	35.325.297.477	35.445.798.477
Tổng cộng	1.456.073.860.671	1.464.327.369.022
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty mẹ	354.460.000.000	354.460.000.000
Licogi 2	25.495.174.400	25.495.174.400
Licogi 9	5.756.829.750	243.600.000
Licogi 20	11.407.000.000	12.157.000.000
Tổng cộng	397.119.004.150	392.355.774.400

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	96.790.511.958	2.083.295.470	(522.576.726.296)	88.158.480.488	475.403.301.952
Lợi nhuận trong kỳ			-		-	34.475.991.461	9.814.852.949	44.290.844.410
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	13.470.889.358		(26.414.984.211)	(1.740.213.381)	(14.684.308.234)
Chia cổ tức	-	-	-				(11.474.021.030)	(11.474.021.030)
Hợp nhất do Công ty liên kết Li14						(47.133.237.606)		(47.133.237.606)
Tăng khác/giảm khác						(637.482.591)	(630.945.646)	(1.268.428.237)
Số dư tại ngày 31/12/2022	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	110.261.401.316	2.083.295.470	(562.286.439.243)	84.128.153.380	445.134.151.255
Lợi nhuận trong kỳ			-			(22.621.625.693)	(973.386.675)	(23.595.012.368)
Phân phối lợi nhuận	-						0	0
Tăng khác/giảm khác								
Số dư tại ngày 31/03/2023	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	110.261.401.316	2.083.295.470	(584.908.064.936)	83.154.766.705	421.539.138.887

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỉ lệ	Đầu kỳ	Tỉ lệ
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000	40,71%
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000	35,00%
Các cổ đông khác	218.593.090.000	24,29%	218.593.090.000	24,29%

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I/2023	Quý I/2022
	VND	
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	388.119.141.953	415.388.406.032
Doanh thu kinh doanh hàng hóa, BĐS	276.087.588.238	307.198.814.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.605.566.074	4.829.174.437
Doanh thu hợp đồng xây dựng	60.425.987.641	103.360.417.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	388.119.141.953	415.388.406.032

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I/2023	Quý I/2022
	VND	
Giá vốn kinh doanh hàng hóa, BĐS	250.878.174.039	271.188.316.441
Giá vốn dịch vụ	49.997.962.477	4.202.683.891
Giá vốn hợp đồng xây dựng	53.309.296.619	97.816.693.076
Giá vốn khác	-	-
	354.185.433.135	373.207.693.408

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I/2023	Quý I/2022
	VND	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.178.165.530	1.878.881.570
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.268.031	75.048.112
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	539.218.750	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	128.184.000	113.187.607.912
	2.874.836.311	115.141.537.594

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I/2023	Quý I/2022
	VND	
Chi phí lãi vay	19.616.093.121	101.631.377.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá	392.784.673	51.225.282
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	1.811.210.915	219.231.990
	21.820.088.709	101.901.835.169

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Quý I/2023	Quý I/2022
		VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.942.470.848	6.845.646.876
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.531.790	492.124.210
Chi phí khấu hao TSCĐ	247.397.532	297.013.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.643.472.706	1.987.069.227
Chi phí bằng tiền khác	2.878.406.785	3.622.965.879
	9.356.279.661	13.244.820.135
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	19.017.155.992	19.029.752.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.054.451.413	791.205.945
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.467.701.006	1.538.917.347
Chi phí dự phòng	(75.095.196)	6.243.346.508
Thuế, phí và lệ phí	1.559.454.205	1.207.676.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.107.909	1.374.898.514
Chi phí bằng tiền khác	9.494.402.886	12.797.326.790
	33.479.178.215	42.983.123.706

29. (LỖ) KHÁC

	Quý I/2023	Quý I/2022
		VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	2.141.334.472
Thu nhập khác	767.974.523	1.183.633.575
	767.974.523	3.324.968.047
Chi phí khác		
Các khoản phạt	437.543.329	10.085.022.989
	3.758.974.356	3.919.125.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng		
Chi phí khác	470.931.291	397.931.837
	4.667.448.976	14.402.080.603

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Lợi nhuận trước thuế	(22.812.396.094)	18.440.514.451
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	780.848.727	519.216.001
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	101.720.453	(312.657.341)
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	276.027	129.561
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	660.676.207	831.743.781
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	18.176.040	-

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% hoặc 22% theo quy định tại từng thời điểm tính trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023

đến ngày 31 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	
Mua hàng	1.136.363.636	1.136.363.636
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	1.136.363.636	1.136.363.636
Nhận chia cổ tức	539.218.750	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	539.218.750	-
Lãi vay phải trả	4.771.059.231	4.748.787.423
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	4.771.059.231	4.748.787.423
Doanh thu tài chính	128.184.000	238.422.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	128.184.000	238.422.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	575.891.304	579.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/03/2023:

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	
Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Trả trước cho người bán	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Licogi 19, Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	5.641.160.010	5.811.160.010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	5.641.160.010	5.811.160.010
Phải thu ngắn hạn khác	4.465.896.455	4.471.356.455
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	128.184.000	133.644.000
Công ty Cổ phần Licogi 19	4.337.712.455	4.337.712.455
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.250.000.000	960.868.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	1.250.000.000	960.868.000
Chi phí phải trả	79.085.462.288	74.314.403.057
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	79.085.462.288	74.314.403.057
Phải trả ngắn hạn khác	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản đi vay	227.811.197.156	227.811.197.156
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	227.811.197.156	227.811.197.156

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và các thuyết minh tương ứng là số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Quốc Tế iCPA.

Ngày 04 tháng 05 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Nội



Phùng Quang Minh



Tổng Giám đốc

Vũ Nguyễn Vũ